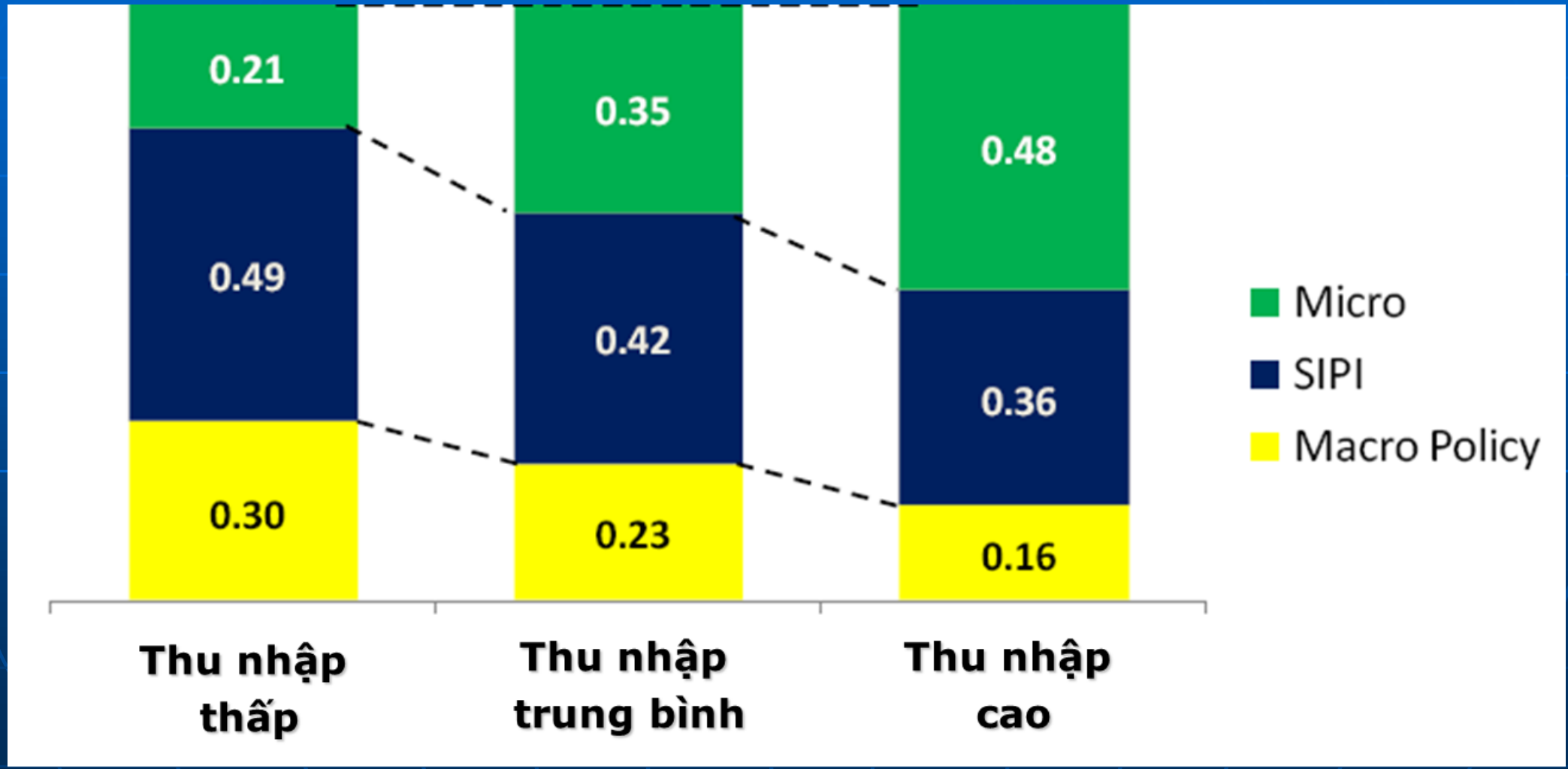
CHIẾN LƯỢC CẠNH TRANH QUỐC GIA

Vũ Thành Tự Anh
Trường Chính sách công và Quản lý Fulbright

Nội dung của bài giảng

1. Vai trò tương đối của các thành tố năng lực cạnh tranh
2. Các giai đoạn phát triển kinh tế
3. Chuyên môn hóa theo cụm ngành
4. Nâng cấp theo chuỗi giá trị
5. Hội nhập kinh tế quốc tế
6. Liên kết vùng trong nước
7. Chiến lược phát triển năng lực cạnh tranh quốc gia
8. Vai trò của nhà nước và tư nhân
9. Tổ chức năng lực cạnh tranh

1. Vai trò tương đối của các thành tố NLCT



Nguồn: Porter 2010

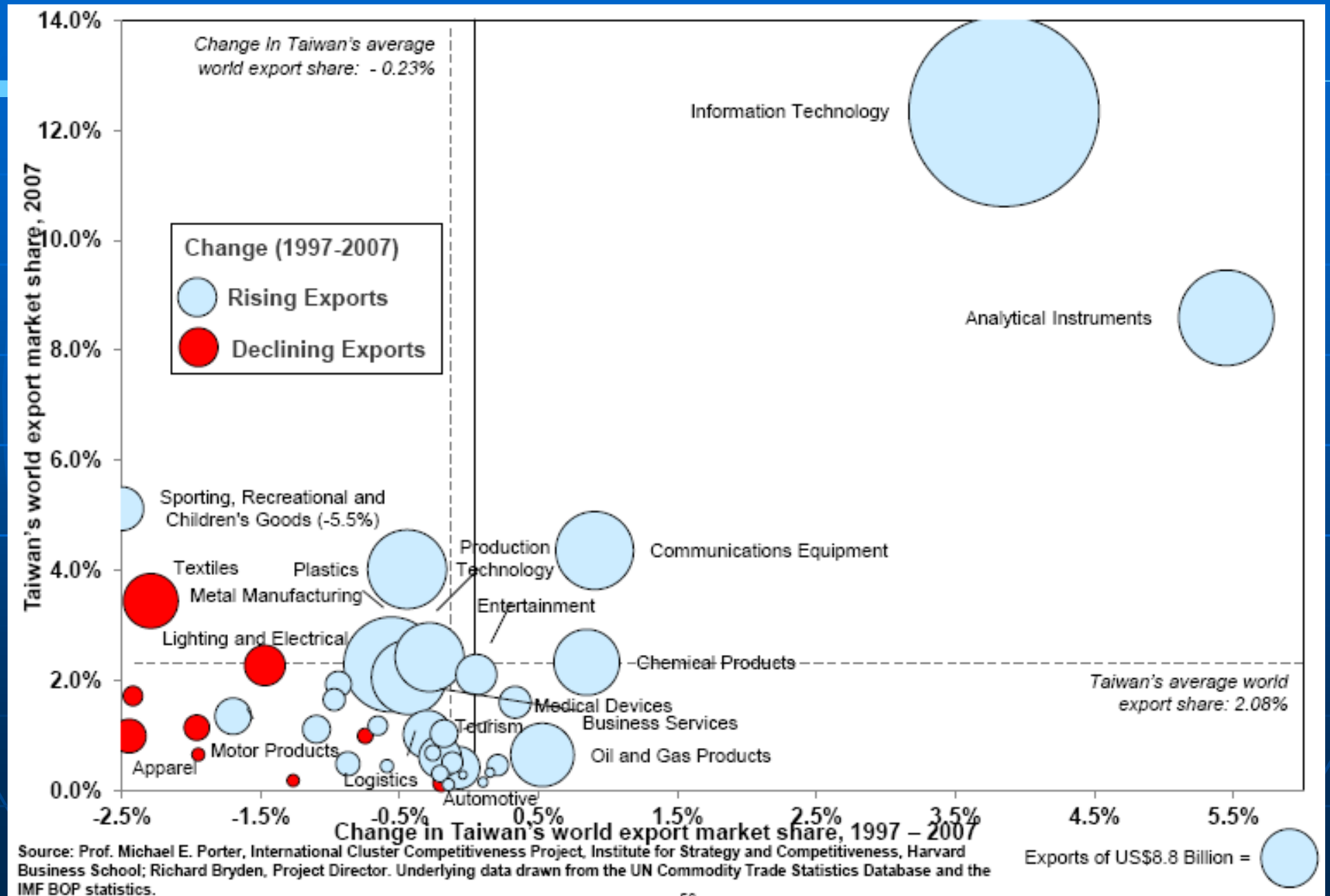
2. Các giai đoạn phát triển kinh tế của quốc gia

Những ưu tiên chính sách khác nhau

Nền kinh tế dựa vào yếu tố đầu vào	Nền kinh tế dựa vào đầu tư	Nền kinh tế dựa vào đổi mới sáng tạo
Đầu vào chi phí thấp	Năng suất	Giá trị độc đáo
• **Ổn định** chính trị, luật pháp và vĩ mô • **Nguồn nhân lực** được cải thiện • **Cơ sở hạ tầng cơ bản** sẵn có • **Chi phí tuân thủ** các quy định và thủ tục thấp	• Phát triển khu vực **DN tư nhân nội địa** • Tăng cường **cạnh tranh** nội địa • **Mở cửa** thị trường • Các **quy định và khuyến khích** tăng năng suất • **Cơ sở hạ tầng hiện đại** • Có sự hình thành và hoạt động của các **cụm ngành**	• **Kỹ năng** bậc cao • Các cơ sở **khoa học công nghệ** • Các quy định và khuyến khích **đổi mới sáng tạo** • **Nâng cấp** các cụm ngành

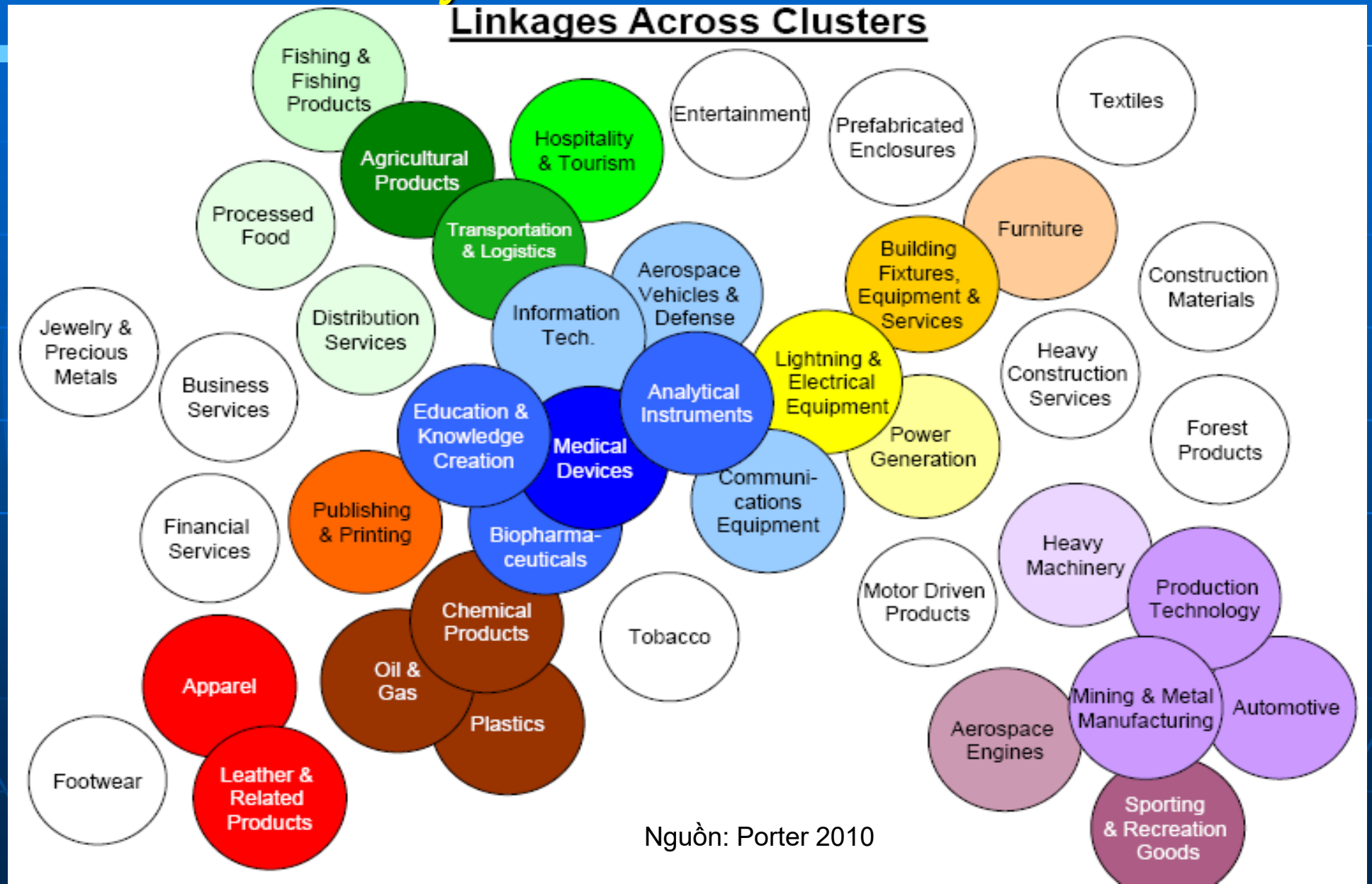
Nguồn: VCR 2010

3. Cụm ngành xuất khẩu ở Đài Loan (1997-2007)



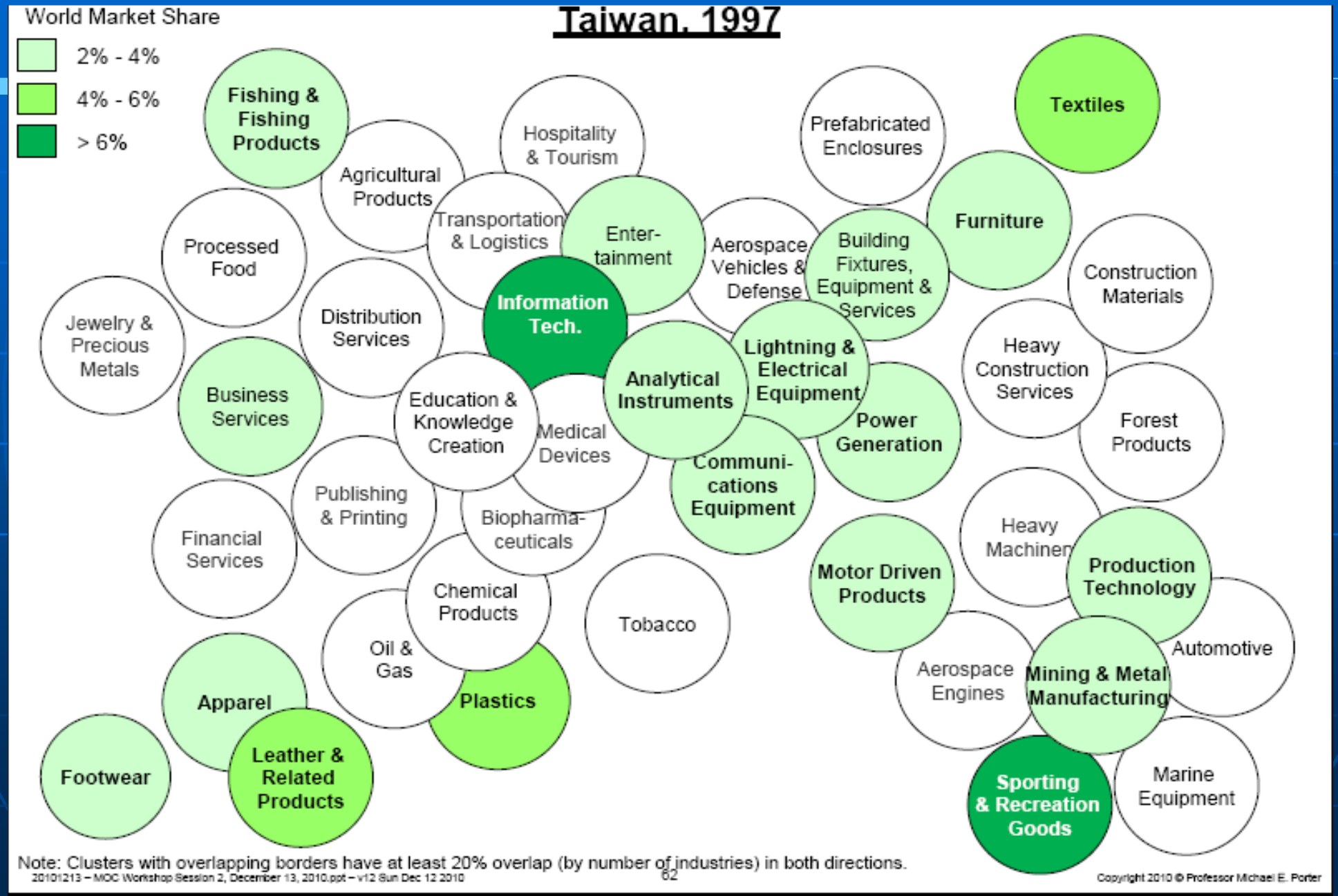
Source: Prof. Michael E. Porter, International Cluster Competitiveness Project, Institute for Strategy and Competitiveness, Harvard Business School; Richard Bryden, Project Director. Underlying data drawn from the UN Commodity Trade Statistics Database and the IMF BOP statistics.

Cụm ngành, liên kết giữa các cụm ngành và chuyển đổi cơ cấu kinh tế

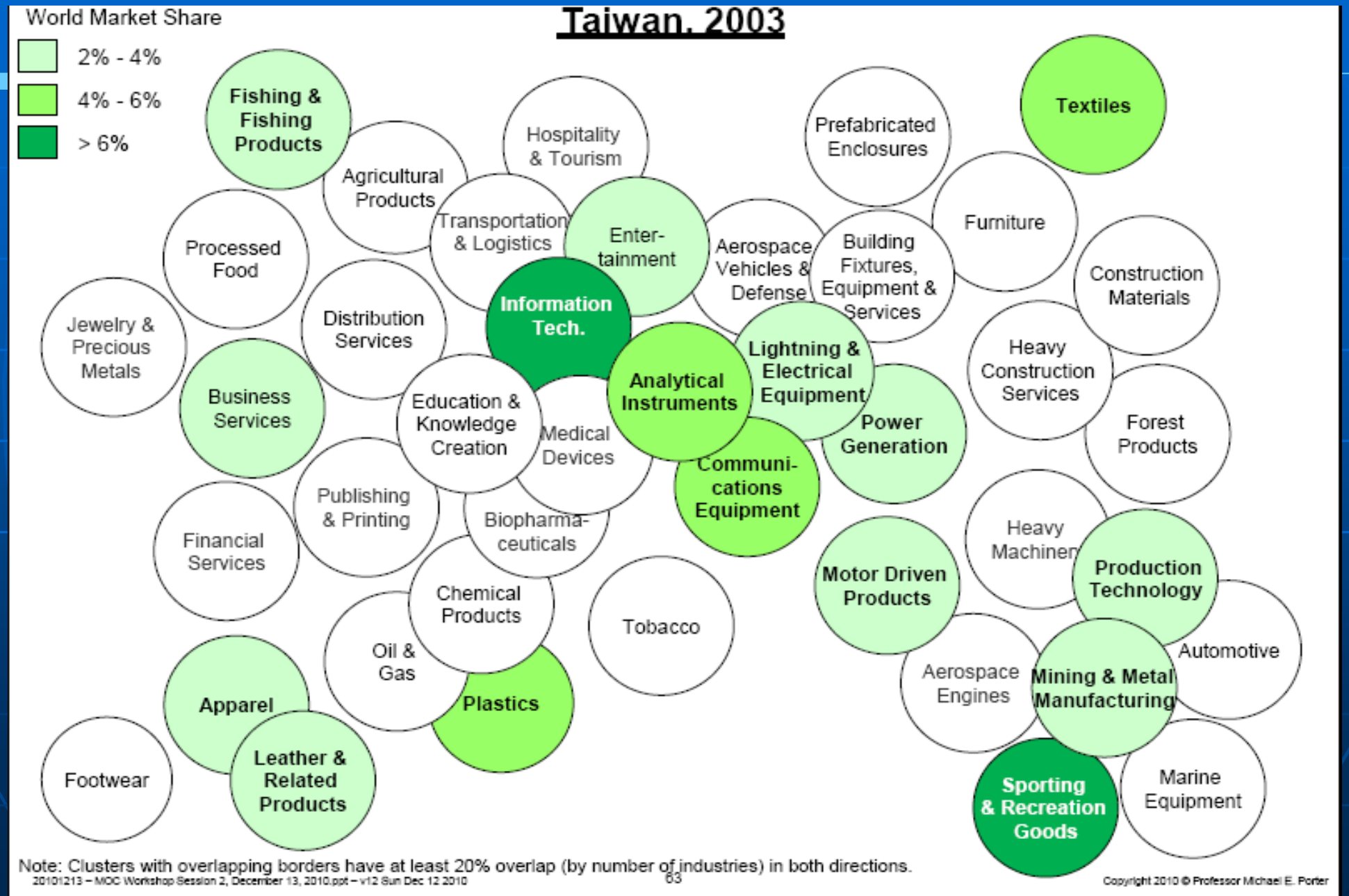


Nguồn: Porter 2010

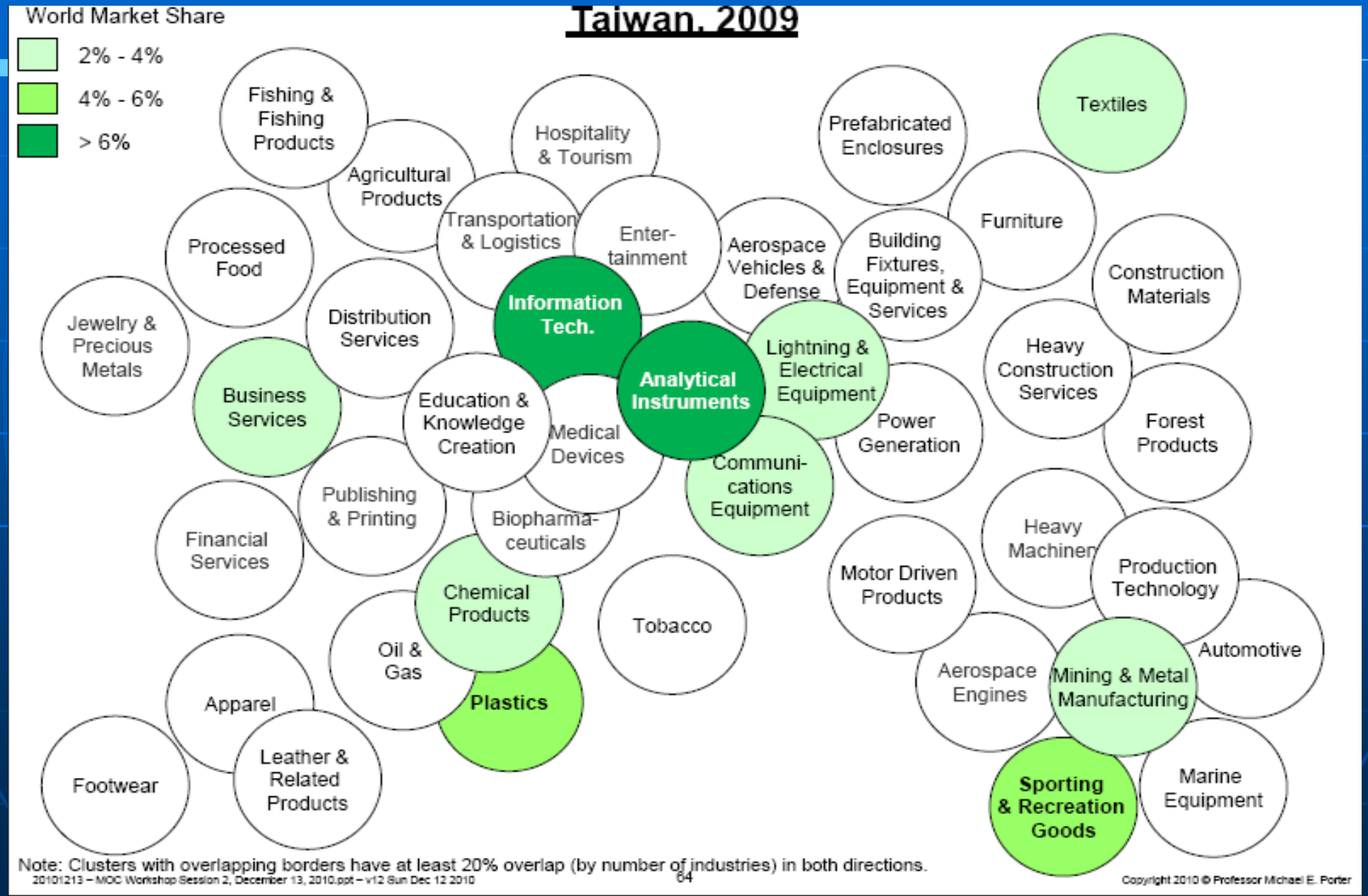
Tỷ trọng xuất khẩu của Đài Loan (1997)



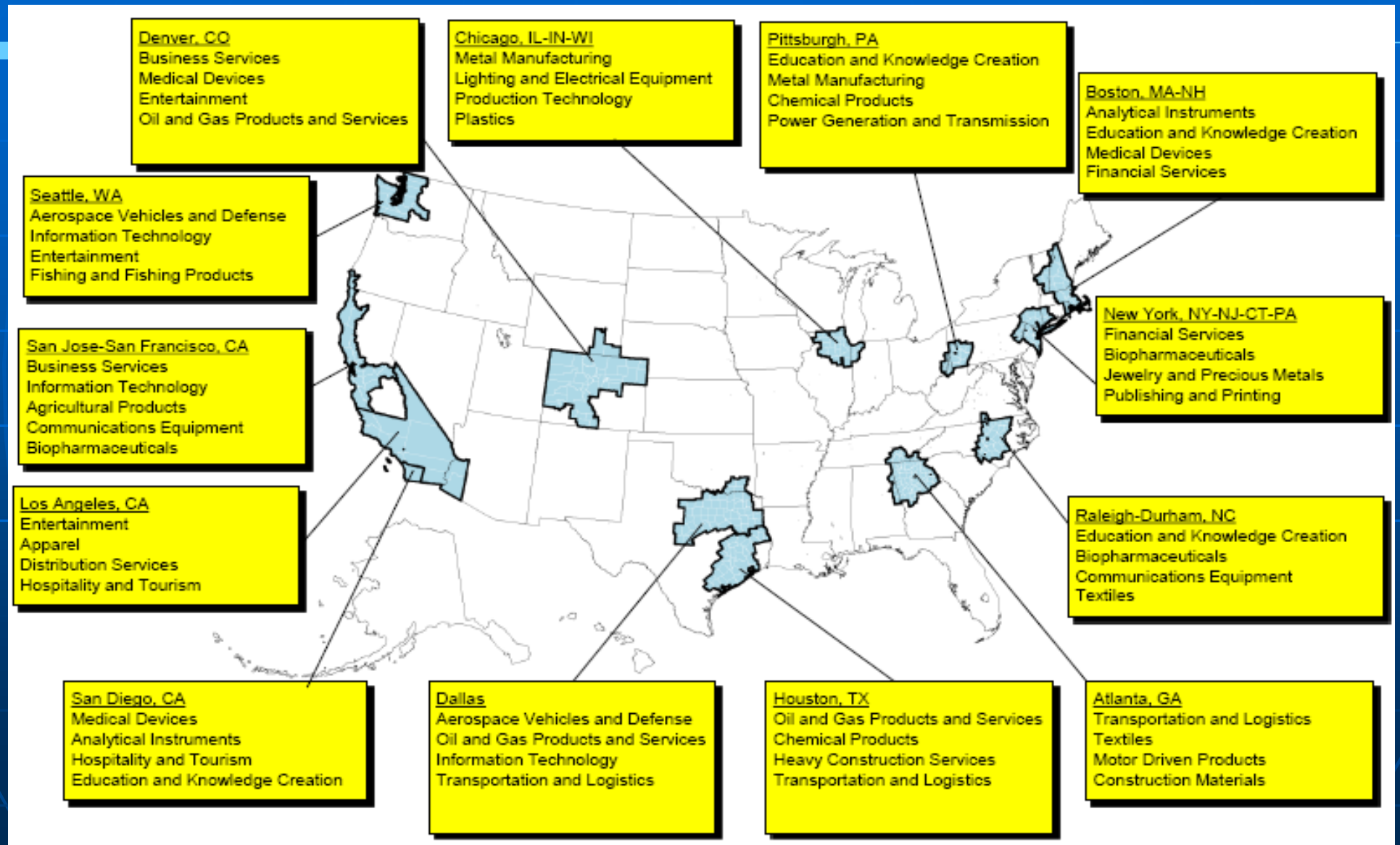
Tỷ trọng xuất khẩu của Đài Loan (2003)



Tỷ trọng xuất khẩu của Đài Loan (2009)



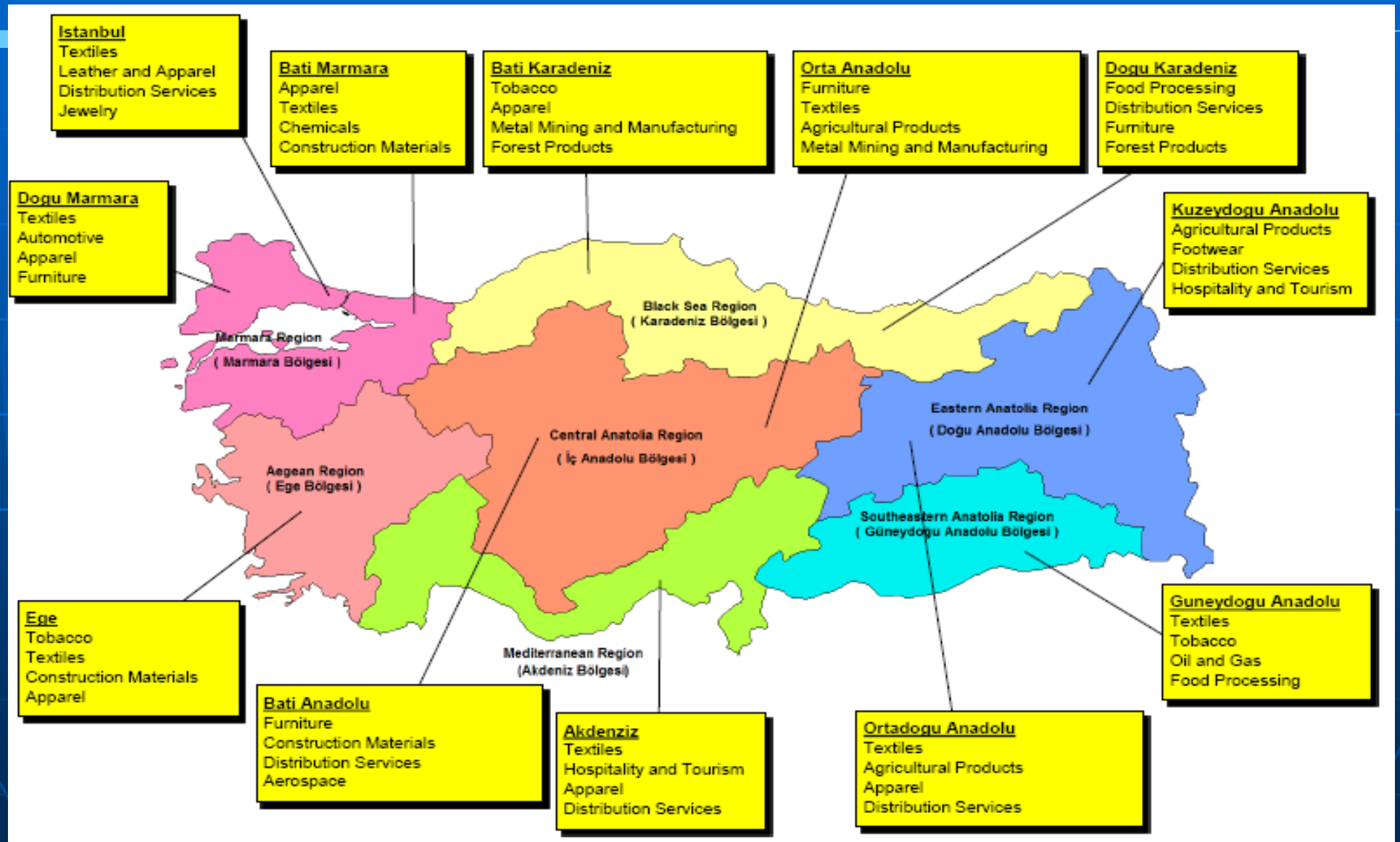
Chuyên môn hóa theo cụm ngành ở Mỹ



Source: Prof. Michael E. Porter, Cluster Mapping Project, Institute for Strategy and Competitiveness, Harvard Business School; Richard Bryden, Project Director.

Copyright 2010 © Professor Michael E. Porter

Chuyên môn hóa theo cụm ngành ở Thổ Nhĩ Kỳ

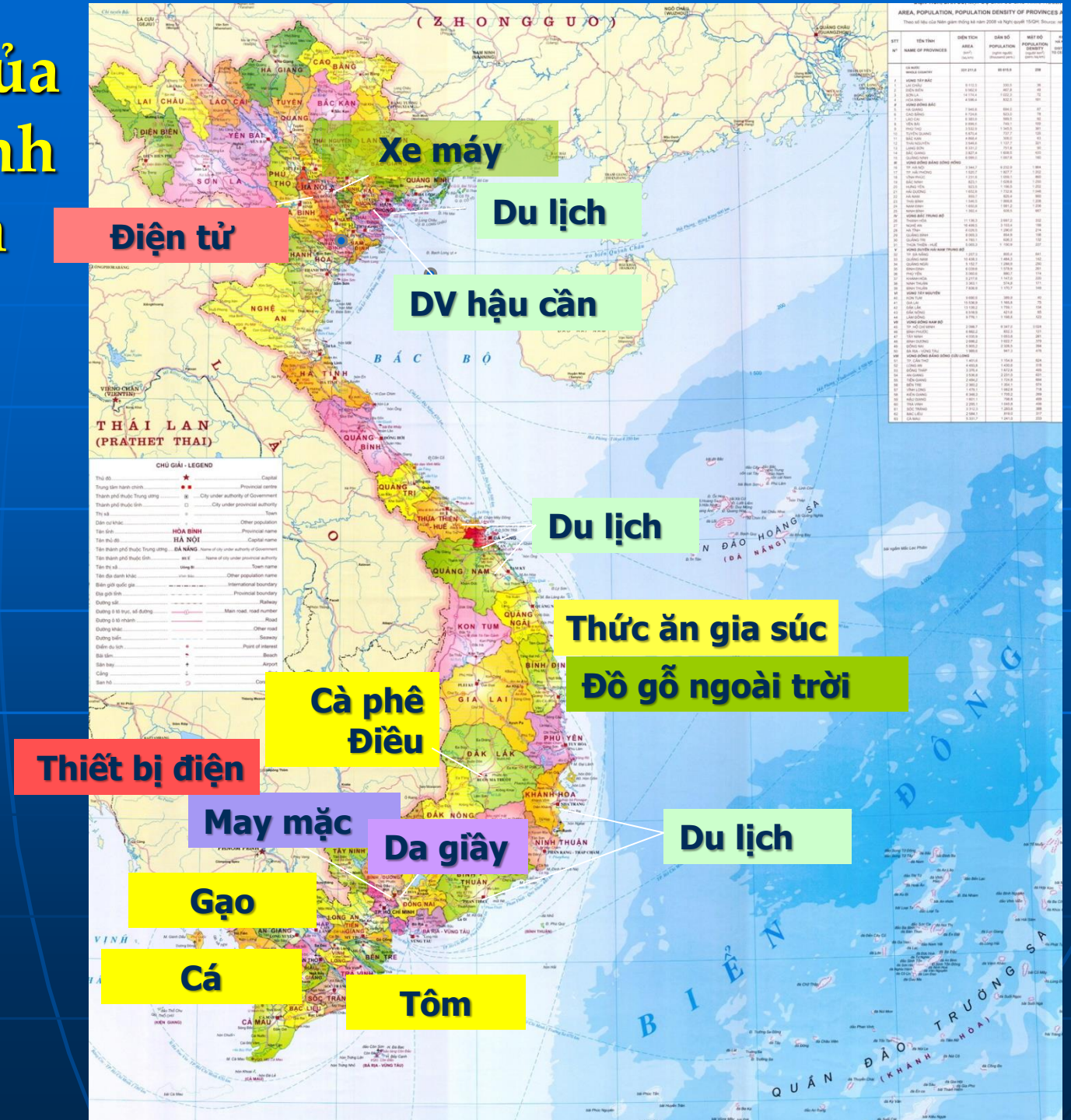


Note: Source: European Cluster Observatory, 2009

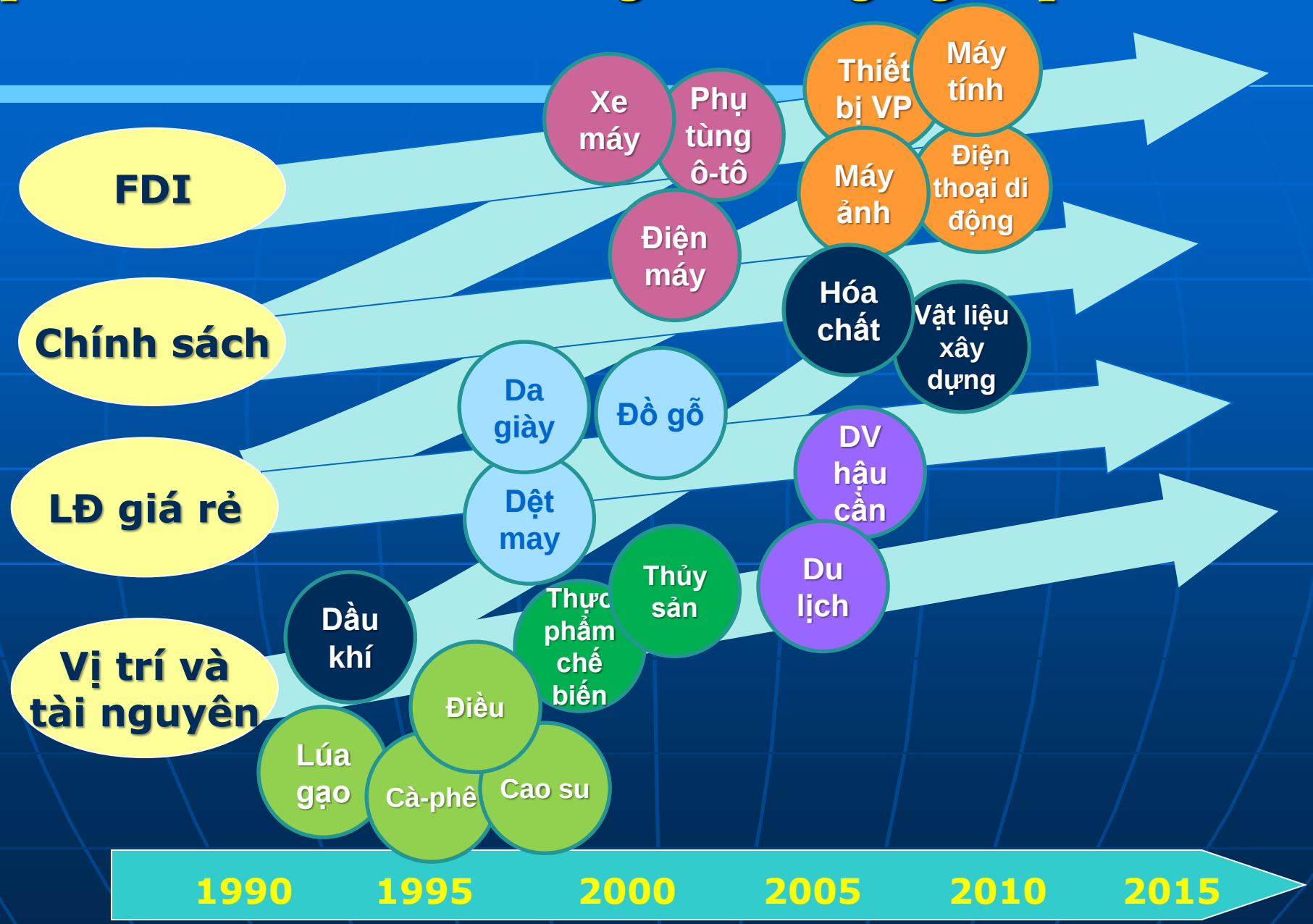
Copyright 2010 © Professor Michael E. Porter

Sự trỗi dậy của các cụm ngành ở Việt Nam

Các cụm ngành công nghiệp phát triển thành công đều tập trung theo cụm ở một địa phương hay một vùng



Sự phát triển của các cụm ngành công nghiệp ở Việt Nam



4. Nâng cấp công nghiệp thông qua chuỗi giá trị

	Xuất khẩu hàng hóa đến gia công cơ bản	Gia công cơ bản đến gia công và dịch vụ phức tạp	Gia công và dịch vụ phức tạp đến hoạt động sáng tạo
Yếu tố cơ bản	Các ưu tiên chính sách		
Ưu thế tự nhiên	**Đầu tư trực tiếp từ nước ngoài (FDI):** ban hành chính sách khuyến khích đầu tư và cải thiện môi trường kinh doanh		
	Tài chính: cải thiện tiếp cận vốn từ ngân hàng	**Tài chính:** cải thiện tiếp cận vốn từ thị trường cổ phiếu	
	Chi phí lao động: tránh những quy định lao động cứng nhắc và sai lầm trong điều chỉnh tỷ giá hối đoái	**Kỹ năng quản lý và chuyên môn kỹ thuật:** đào tạo, huấn luyện và mở cửa cho những kỹ năng ngoại quốc	**Kỹ năng cao cấp:** giáo dục đào tạo phát huy tính sáng tạo và mở cửa cho những tài năng ngoại quốc
Quy mô thị trường	**Tiếp cận nguyên liệu:** giảm thuế quan và biện pháp phi thuế quan; cải cách dịch vụ	**Chuẩn hóa:** hài hóa hoặc công nhận tiêu chuẩn song phương	
	Tiếp cận thị trường: theo đuổi những hiệp định thương mại	**Tiếp cận thị trường:** đẩy mạnh hiệp định thương mại để đưa vào nội dung về đầu tư và dịch vụ	
Vị trí địa lý	**Cơ sở hạ tầng cho thương mại:** cải cách thủ tục hải quan; tự do hóa dịch vụ vận tải; đầu tư vào cảng biển và đường xá	**Dịch vụ logistics cao cấp:** đầu tư vào cơ sở hạ tầng giao thông đa phương tiện	
	Kết nối ICT cơ bản: mở cửa dịch vụ ICT; đầu tư vào cơ sở hạ tầng ICT		**Dịch vụ ICT cao cấp:** mở rộng băng thông tốc độ cao
Thể chế	**Quản trị:** tăng ổn định xã hội	**Quản trị:** cải thiện khả năng dự đoán của chính sách; theo đuổi những hiệp định thương mại sâu sắc	
	Tiêu chuẩn cấp bằng sáng chế: thiết lập hệ thống đánh giá tuân thủ tiêu chuẩn thế giới	**Hợp đồng:** tăng cường thực thi	**Quyền sở hữu trí tuệ:** tăng cường bảo vệ

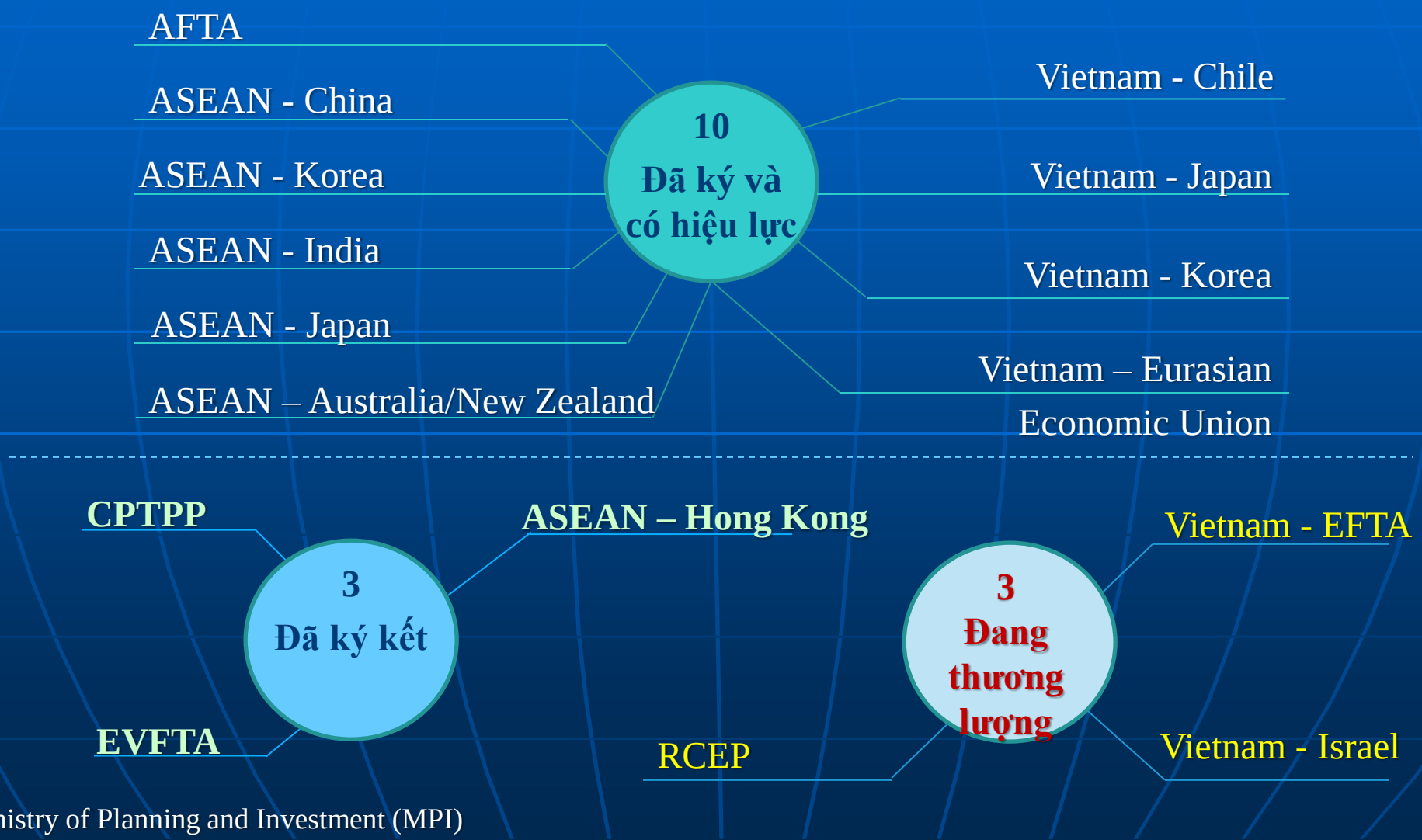
5. Hội nhập khu vực và năng lực cạnh tranh

- Thông thường, **mở cửa thương mại** và **đầu tư** xảy ra giữa các nước trong **cùng khu vực**
  - Các nước láng giềng thường là các đối tác đầu tư và thương mại tự nhiên và quan trọng nhất
  - Con đường tự nhiên để quốc tế hóa là xâm nhập các thị trường trong khu vực
  - Mở cửa thương mại và đầu tư giữa các quốc gia trong khu vực giúp tất cả trở thành địa điểm đầu tư hấp dẫn hơn
- **Hợp tác kinh tế** giúp cải thiện môi trường kinh doanh
  - Đạt được sự đồng bộ trong chính sách và cơ sở hạ tầng
  - Có thế vị thương lượng cao hơn trên diễn đàn quốc tế
- Các **hiệp ước đối ngoại** có thể giúp khắc phục các trở lực cho cải cách kinh tế và chính trị trong nước

Hội nhập kinh tế khu vực và quốc tế

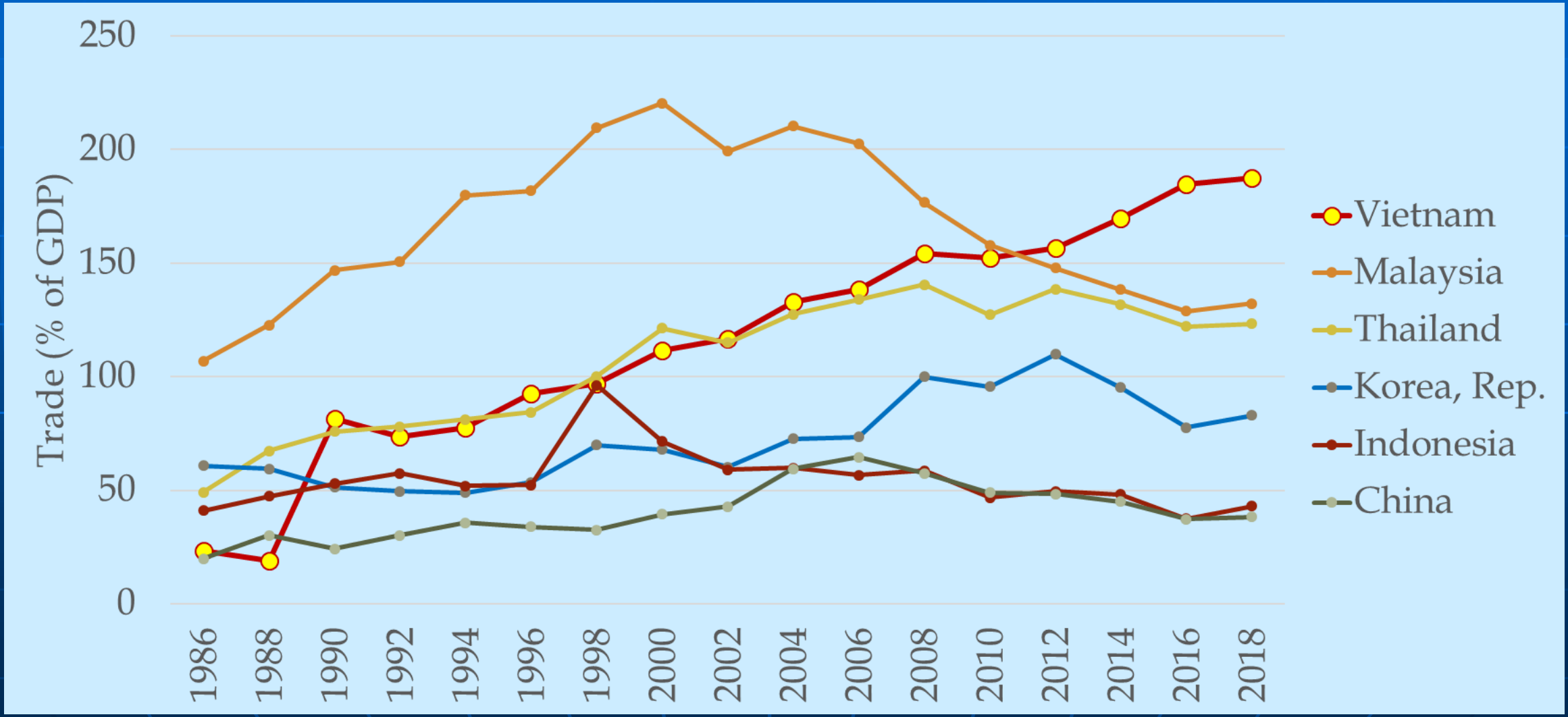


Việt Nam hết sức năng động trong hội nhập



Source: Ministry of Planning and Investment (MPI)

Việt Nam có độ mở thương mại rất cao



6. Liên kết kinh tế vùng và năng lực cạnh tranh

- Kết quả kinh tế **rất khác nhau** giữa các vùng và địa phương
- Nhiều **đòn bẩy** kinh tế quan trọng đối với NLCT nằm ở cấp độ vùng
- Liên kết vùng ở VN nặng về **hình thức**, không thực chất, kém hiệu quả
- Để tăng cường năng lực cạnh tranh cần sự **hợp tác hiệu quả của vùng** và **điều phối hiệu quả của trung ương**
- Định hướng mới cho liên kết vùng:
  - **Quy hoạch vùng**?
  - **Chuyên môn hóa** vào các cụm ngành khác nhau
  - **Chiến lược** và chương trình hành động của vùng để nâng cao NLCT
  - **Chính quyền vùng**?

7. Chiến lược phát triển NLCT quốc gia

Cải thiện chính sách

- Áp dụng các **thực tiễn tốt nhất** cho mỗi lĩnh vực chính sách

- Có **rất nhiều** lĩnh vực chính sách quan trọng
- Không quốc gia nào có thể đồng thời cải thiện **mọi chính sách**

Chiến lược kinh tế

- Cần phải **xác định rõ ưu tiên** có tính chiến lược nhằm tạo lập **vị thế cạnh tranh** độc đáo cho quốc gia, vùng, và địa phương

Chiến lược phát triển NLCT quốc gia

Giá trị mục tiêu quốc gia

- Đâu là **vị thế cạnh tranh đặc thù** của quốc gia với vị trí địa lý, di sản văn hóa, các thế mạnh hiện tại và thế mạnh tiềm năng?
  - **Giá trị đặc thù** của quốc gia như là một điểm đến kinh doanh?
  - Quốc gia nên hướng tới những **cụm ngành** và **cơ cấu kinh tế** nào?
  - **Vai trò, thế vị** của quốc gia đối với láng giềng, khu vực và thế giới

Tạo dựng các thế mạnh đặc thù

- Những yếu tố nào trong các thành tố của NLCT là **thế mạnh độc đáo**?
- Những cụm ngành **hiện tại** và **mới nổi** thể hiện thế mạnh gì của quốc gia?

Bắt kịp và duy trì để ngang bằng với các nước láng giềng

- Những **điểm yếu** nào cần được giải quyết để tháo gỡ các trở ngại và đạt kết quả tương đương với các nước bạn?

- **Xác định ưu tiên** và **trình tự** hết sức cần thiết cho phát triển kinh ế

Một số "phép thử" của chiến lược

- **Vị thế độc đáo** đã được cảm nhận rõ rệt và phát biểu tường minh chưa?
  - Vị thế này có giúp tạo ra **hình ảnh tích cực** cho đất nước?
  - Vị thế này có **tạo cảm hứng** cho người dân không?
- Chiến lược có được xây dựng trên cơ sở **các điểm mạnh**?
  - Đây có phải là các **điểm mạnh thực sự** so với lân bang và các quốc gia cạnh tranh?
- Chiến lược có giúp khắc phục các điểm yếu và nút thắt cơ bản không?
- Chiến lược có **phù hợp với xu thế tiến bộ** toàn cầu không?
- Cải cách kinh tế có nằm trong một **tổng thể** bao gồm cả những cải cách chính trị và xã hội hay không?
- **Ý chí và sự đồng thuận về chính trị** đã sẵn sàng để thực hiện chiến lược hay chưa?

Một số "phép thử" của chiến lược

- Những **ưu tiên chính sách** có phù hợp với chiến lược không?
  - Sự lựa chọn và thiết kế của các **chính sách đặc biệt**?
  - **Trình tự** thực hiện chính sách?
- Chiến lược có được **truyền đạt một cách rõ ràng** tới các đối tượng có lợi ích hữu quan không?
  - **Khu vực tư nhân** có được tham gia không?
  - Bản thân **chính phủ có được tổ chức** để thực hiện chiến lược này không?
- Có **cơ chế phối hợp tổng thể** cho chiến lược không?
- **Chất lượng** của các cơ quan nhà nước và các thể chế khác có đủ để thực thi chiến lược một cách hiệu quả không
- Có các **cơ chế đo lường** sự tiến bộ và **đánh giá/điều chỉnh** chiến lược khi kết quả được cải thiện hay các điều kiện khác thay đổi hay không?

Quá trình phát triển kinh tế
Sự chuyển đổi về vai trò và trách nhiệm

Mô hình cũ

- **Chính phủ dẫn dắt** phát triển kinh tế thông qua các chính sách và khuyến khích

Mô hình mới

- Phát triển kinh tế là quá trình hợp tác giữa chính quyền các cấp với khu vực doanh nghiệp, học thuật, và các tổ chức dân sự khác

Năng lực cạnh tranh là kết quả của cả hai quá trình **từ dưới lên** và **từ trên xuống** trong đó mỗi tác nhân có liên quan có vai trò riêng nhưng bổ sung cho nhau.

Vai trò của khu vực tư nhân trong phát triển kinh tế

- Là khu vực **trực tiếp** tạo ra việc làm và giá trị gia tăng
- Giúp chính phủ hiểu được những **nhu cầu** và **cản trở** đối với hoạt động kinh doanh và phát triển cụm ngành
- Nuôi dưỡng các nhà **cung ứng địa phương** và là một động lực thu hút **đầu tư nước ngoài**
- Hợp tác và khuyến khích các trường đại học và viện nghiên cứu nâng cao **chất lượng** và **tính thực tiễn**
- **Hợp tác** giữa các công ty giúp tăng cường năng lực cạnh tranh thông qua hiệp hội hay các cơ chế khác
- Tham gia tích cực trong các **sáng kiến NLCT** của vùng và quốc gia
- Tham gia các sáng kiến cải thiện **môi trường kinh doanh**, tăng cường **trách nhiệm xã hội** và **bảo vệ môi trường**

Tổ chức năng lực cạnh tranh

- Chính phủ là một thực thể phức tạp; năng lực cạnh tranh chịu tác động của **rất nhiều cơ quan chính phủ**
  - **Nhiều cơ quan ban ngành** ảnh hưởng tới năng lực cạnh tranh
  - Không chỉ các bộ ngành **kinh tế** mà cả **xã hội** đều ảnh hưởng tới NLCT
  - **Chính quyền các cấp** đều ảnh hưởng tới năng lực cạnh tranh
  - **Quan hệ đối ngoại** cũng tác động tới năng lực cạnh tranh
- Năng lực cạnh tranh hiếm khi là trách nhiệm của một cơ quan chuyên biệt mà **liên đới** tới nhiều cơ quan khác nhau
- Vì vậy cần phải có một **cơ chế và cấu trúc hợp tác** (ví dụ như Hội đồng chính sách cạnh tranh) có chức năng đưa các bộ trưởng, vụ trưởng đến gần nhau hơn trong việc hoạch định và thực thi chính sách tăng cường năng lực cạnh tranh

Tổ chức năng lực cạnh tranh

- Tùy thuộc vào giai đoạn phát triển mà **tập trung vào các khía cạnh thích hợp** của NLCT
- **Khu vực tư nhân** đóng vai trò quan trọng, thậm chí là chủ đạo
- Cần có sự **tham gia** tích cực của tất cả các bên hữu quan và đại diện của chính quyền các cấp
- Được **thể chế hóa** bằng một cấu trúc hỗ trợ
- Có một **khuôn khổ thống nhất** về khái niệm
- Phát triển được một **chiến lược** hiệu quả
- Kế hoạch hành động có **ưu tiên** và **trình tự** hợp lý
- Có **thước đo** tốt cho mức độ tiến bộ và kết quả